

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST

Ngày: 21-5-2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.

2. Ông Võ Thanh Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lư Ánh N, sinh năm: 1988. (Có mặt).

Địa chỉ: số 976, tổ 44, ấp H, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 5 Trần Nhật D, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lưu Chí Q, sinh năm 1983. (theo Giấy ủy quyền ngày 25/3/2020 lập tại Văn phòng công chứng Hoàng Gia). (Có mặt).

Địa chỉ: số 5, đường Trần Nhật D, khóm 7, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lư Ánh N trình bày:

Trước đây bà và bà C có chơi hui với nhau và bà C còn nợ lại số tiền hui là 110.000.000 đồng. Đến ngày 14/11/2016, bà C và cha bà C là ông T có ký nhận vào Biên bản trả tiền với cam kết trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền hui còn nợ. Bà C thực hiện việc trả tiền như thỏa thuận nhưng đến ngày 11/02/2019 thì bà C không trả nữa. Tính đến ngày 11/02/2019 bà C còn nợ 77.500.000 đồng.

Việc chơi hụi chỉ có bà và bà C tham gia, không liên quan đến ông T (cha bà C), do đó bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà C trả cho bà số tiền hụi còn nợ 77.500.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 11/02/2019 đến khi Tòa án xét xử. Khi Tòa án tiến hành hòa giải thì bà và bà C có xác định lại chính xác số tiền hụi còn nợ là 75.500.000 đồng. Do đó, tại phiên tòa bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà C trả số tiền hụi còn nợ là 75.500.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 11/02/2019 đến khi Tòa án xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C trình bày: bà và bà N có chơi hụi với nhau lâu năm, số tiền 110.000.000 đồng là số tiền nợ hụi do hai bên chốt lại sau cùng tính đến ngày 24/11/2016. Sau khi chốt tiền nợ hụi thì bà có thực hiện việc trả tiền nợ hụi cho bà N được 34.500.000 đồng, còn nợ lại 75.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lưu Chí Q trình bày: thống nhất còn nợ bà N số tiền 75.500.000 đồng, đồng ý trả số tiền trên. Đối với yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 11/02/2019 cho đến khi Tòa án xét xử thì ông không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Lư Ánh N khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu C. Bà Nguyễn Thị Thu C có nơi cư trú tại phường L, thành phố X, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Lư Ánh N khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu C yêu cầu trả tiền hụi. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lư Ánh N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 2.000.000 đồng.

- Về nội dung:

[4] Căn cứ nội dung trình bày của các đương sự, biên bản trả tiền ngày 24/11/2016, sổ ghi chép lịch trả tiền nên có cơ sở xác định giữa bà N, bà C có xác lập hợp đồng góp hụi. Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền hụi và còn nợ lại số tiền 110.000.000 đồng theo biên bản trả tiền ngày 24/11/2016, sau đó bà C trả dần được số tiền 34.500.000 đồng.

[5] Tại biên bản hòa giải ngày 05/3/2020, bà N và bà C xác định bà C còn nợ tiền hui là 75.500.000 đồng. Việc bà C không trả tiền hui là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền hui trên.

Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 11/02/2019 đến ngày Tòa án xét xử đối với số tiền hui còn nợ 75.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy do bà C chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, tiền lãi chậm trả từ 11/02/2019 đến ngày 21/5/2020 là: 01 năm 03 tháng 10 ngày x 10% x 75.500.000 đồng = 9.752.083 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà N tiền hui còn nợ 75.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả 9.752.083 đồng. Tổng cộng là 85.252.083 đồng.

[6] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của bà Lư Ánh N được chấp nhận nên bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 144, 147, 150, khoản 2 Điều 244, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lư Ánh N đối với số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lư Ánh N.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu C có nghĩa vụ trả cho bà Lư Ánh N số tiền hui còn nợ 75.500.000 đồng và tiền lãi 9.752.083 đồng. Tổng cộng là 85.252.083 đồng (*Tám mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.262.604 đồng (*Bốn triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*).

Bà Lư Ánh N được nhận lại 2.050.000 đồng (*Hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005510 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Lư Ánh N, bà Nguyễn Thị Thu C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Diệu Tiên